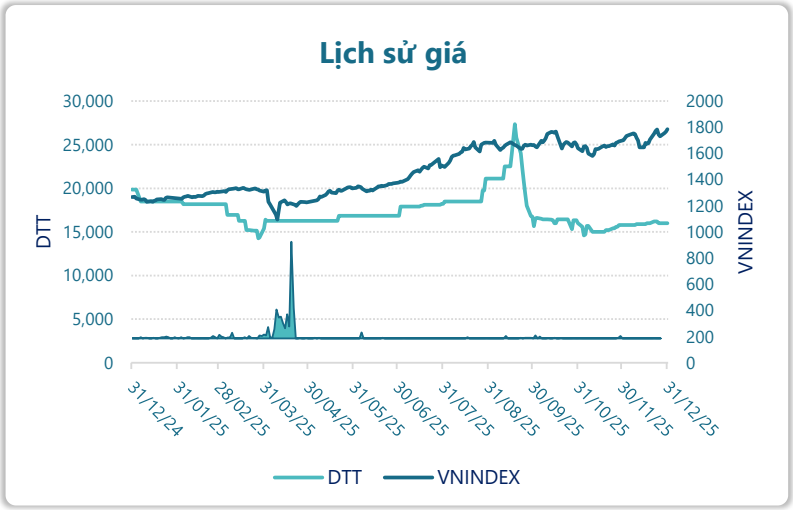
FireAnt

CTCP Kỹ nghệ Đô Thành (HSX: DTT)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,263
SL cổ phiếu LH	8,151,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)	370
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	130
P/E	9.5
EPS	1,686

DT thuần

Q4/25

58.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.10| 3.8%

YoY: ▲ 6.10| 11.8%

LN sau thuế

Q4/25

3.77

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.22| -5.6%

YoY: ▼0.20| -5.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.9%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2025

207

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.0| 4.6%

LN sau thuế

2025

13.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.30| 20.4%

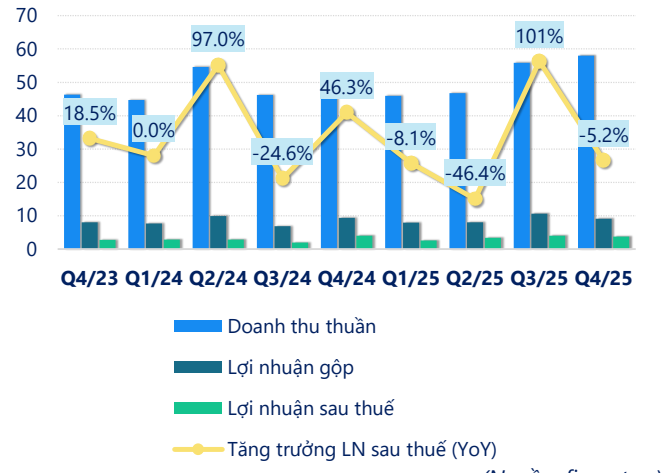
ROE

2025

10.0%

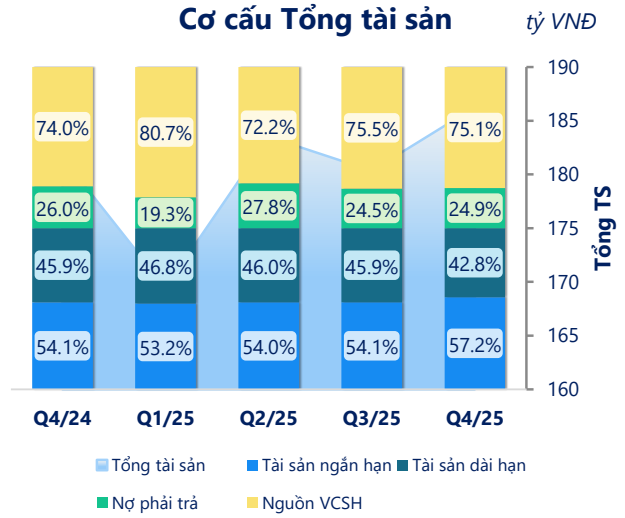
+/- YoY: ▲ 1.4%

Kết quả kinh doanh



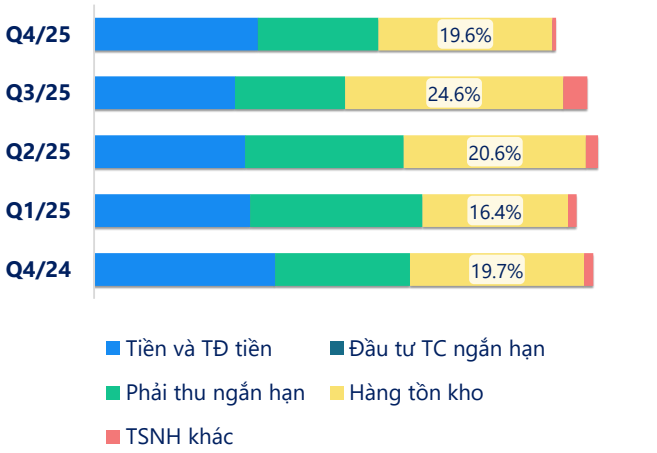
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



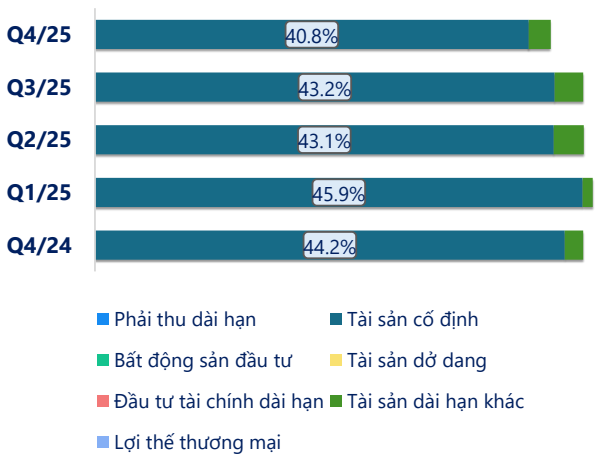
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



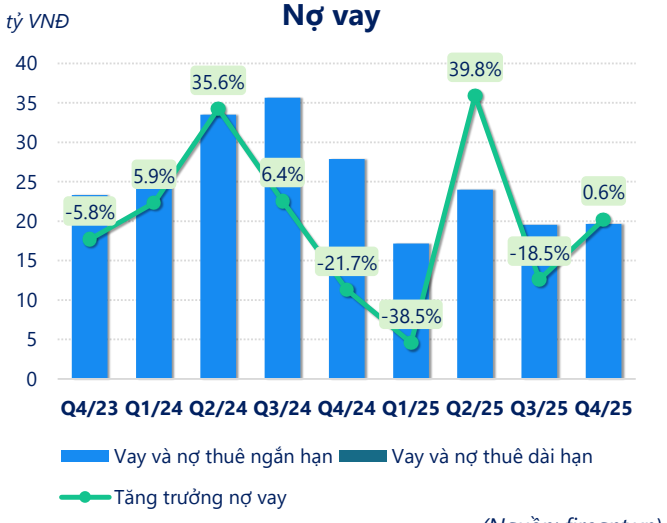
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



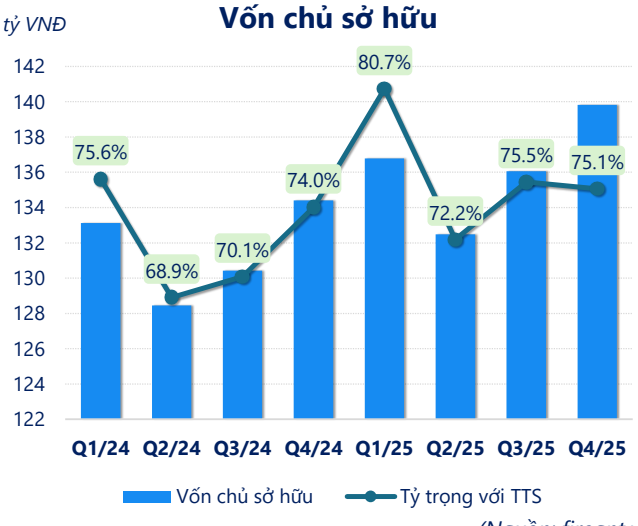
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



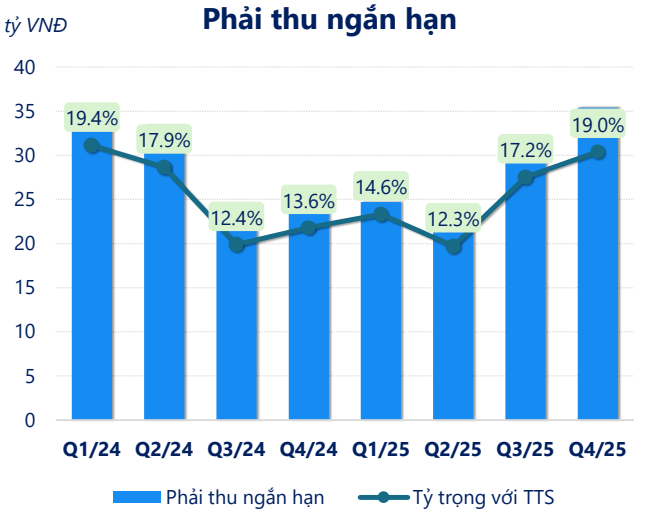
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



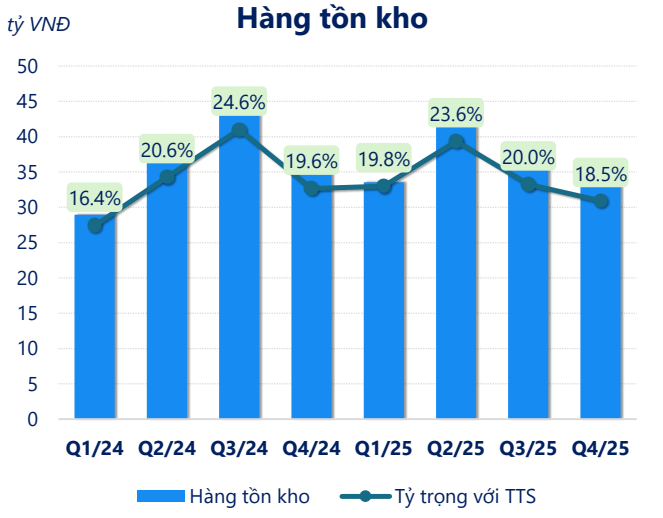
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



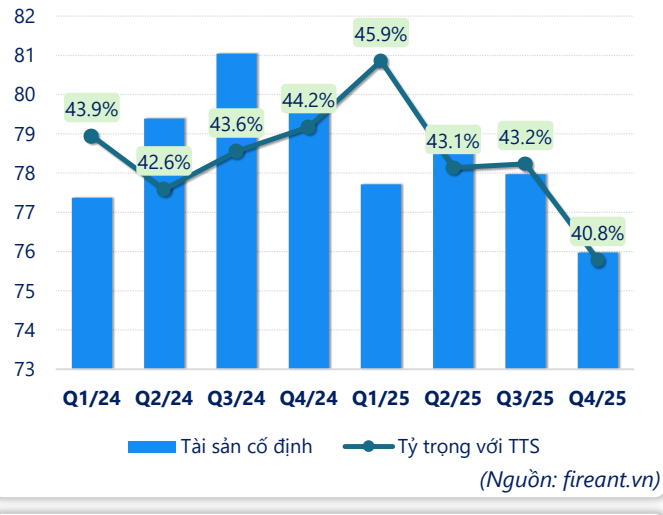
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



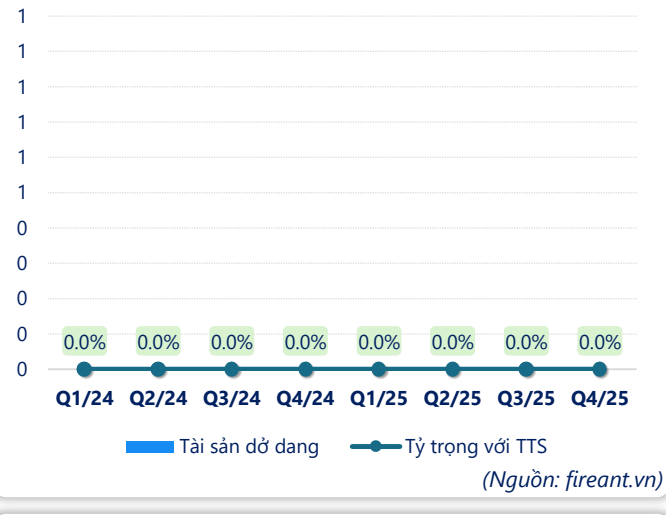
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



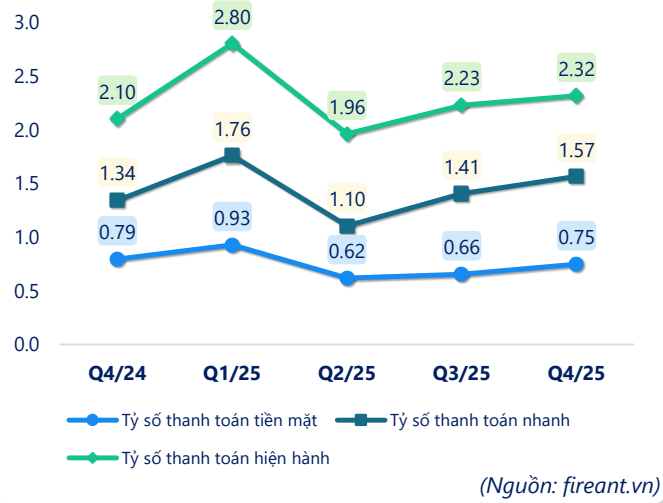
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



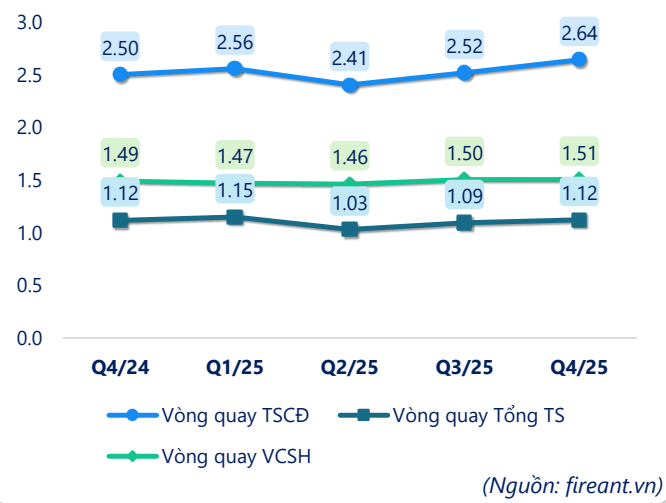
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**182**	**169**	**184**	**180**	**186**
Tài sản ngắn hạn	**98.2**	**90.1**	**99.2**	**97.5**	**106**
Tiền và tương đương tiền	37.1	29.8	31.3	28.7	34.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	24.7	24.7	22.6	31.0	35.4
Hàng tồn kho	35.6	33.5	43.4	36.0	34.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.82	2.06	1.93	1.85	2.10
Tài sản dài hạn	**83.3**	**79.3**	**84.4**	**82.8**	**79.8**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	80.2	77.7	79.2	78.0	76.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.13	1.60	5.20	4.84	3.83
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**47.2**	**32.7**	**51.0**	**44.3**	**46.4**
Nợ ngắn hạn	**46.7**	**32.2**	**50.5**	**43.8**	**45.9**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.9	17.2	24.0	19.5	19.7
Phải trả người bán ngắn hạn	5.95	5.77	8.40	9.68	12.1
Nợ dài hạn	0.51	0.51	0.51	0.51	0.51
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**134**	**137**	**132**	**136**	**140**
Vốn chủ sở hữu	**134**	**137**	**132**	**136**	**140**
Vốn điều lệ	81.5	81.5	81.5	81.5	81.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)